

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
SERVICE CONTRACT**

Số/No.: __

Hợp đồng Dịch vụ này (“Hợp đồng”) được lập và có hiệu lực từ ngày __ tháng __ năm 20__ bởi Các Bên dưới đây:

This Service Contract ("Contract") is made and effective from the date __ month __ year 20__ by the following Parties:

KHÁCH HÀNG/CUSTOMER: CÔNG TY COMPANY

Mã số DN/Business Code :

Địa chỉ/Address:

Đại diện bởi/Represented by : Ông/Bà/Mr./Ms.

Chức vụ/Position :

Điện thoại/Phone : Email:

Số tài khoản/Account No. : Mở tại/Bank:

VÀ/AND
..... : **CÔNG TY TNHH/COMPANY LIMITED**

Mã số DN/Business Code :

Địa chỉ/Address :

Đại diện bởi/ Represented by : Chức vụ/Position:

Điện thoại/Phone : Email:

Số tài khoản/Account No. :

Mở tại/Bank:

Chi nhánh/ Branch:

KHÁCH HÀNG và khi gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”

CUSTOMER andare separately referred to as "Party" and collectively as "Parties"

Các Bên thống nhất các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng như sau:

The Parties agree on the terms and conditions of the Contract as below:

1. PHẠM VI DỊCH VỤ VÀ PHÍ DỊCH VỤ / SCOPE OF SERVICE AND SERVICE FEES

- 1.1. Khách Hàng đồng ý giao vàđồng ý nhận việc thiết kế và phát triển Website (“Dịch vụ”) để tạo nên Website của Khách Hàng (“Sản phẩm”) với chi tiết công việc và Phí Dịch vụ được quy định cụ thể tại **Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và phí dịch vụ** đính kèm Hợp đồng này.

Customer agrees to request andagrees to provide Website design and development ("Services") to create Customer's Website ("Product") with the detail of work and Service Fee as regulated in Appendix A – Scope of Service and Service Fee attached to this Contract.

- 1.2. Những tài liệu sau cấu thành bộ phận của Hợp đồng:

The following documents are parts of this Contract:

- i. Hợp đồng dịch vụ này / This Contract
 - ii. Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và phí dịch vụ / Appendix A – Scope of service and service fee
 - iii. Phụ lục B – Bản thiết kế / Appendix B – Design
 - iv. Phụ lục C – Biên bản nghiệm thu và bàn giao / Appendix C – Approval and handover minutes
- 1.3. Khách Hàng được coi là đã hiểu đầy đủ về cách thức triển khai dịch vụ và phạm vi dịch vụ màcung cấp trong Hợp đồng dịch vụ này vàđược xem là đã tư vấn đầy đủ đến Khách Hàng về dịch vụ mà mình sẽ cung cấp;
- 1.4. Customer is deemed to have fully understood implement method and scope of the serviceprovides in this Service Contract andis deemed to have fully advised the Customer about the service it shall provide;
- 1.5. Phạm vi dịch vụ và phí dịch vụ là cố định và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng. Trừ trường hợp quy định tại Điều 1.5 Hợp đồng này.

The Scope of Service and Service Fee are fixed and unchanged for the Contract implement term. Except for case regulated in Article 1.5 of this Contract.

- 1.6. Trường hợp Khách Hàng đề nghị thay đổi Phạm vi dịch vụ,có quyền xem xét yêu cầu này dựa trên nguyên tắc thiện chí và hợp tác để đánh giá việc đề nghị thay đổi Phạm vi dịch vụ này có dẫn tới thay đổi tiến độ và/hoặc phí dịch vụ hay không. Và,

In the event Customer requests to change the Scope of services,is entitled to consider this request on the basis of goodwill and cooperation principles to evaluate whether this request of change may cause the change of progress and/or service fee or not. And,

- i. Trường hợp việc thay đổi Phạm vi dịch vụ này dẫn tới thay đổi tiến độ và/hoặc phí dịch vụ thì *một Phụ lục sửa đổi, bổ sung Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ* sẽ được Các Bên lập và thỏa thuận chi tiết.

In case this Scope of service change cause changes in process and/or service fees, a revised, supplemented Appendix of Appendix A - Scope of service and Service fee shall be made and agreed in detail by the Parties.

- ii. Trường hợp không đạt được thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung *Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ* thì Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng này.

In the event of failure to reach agreement on amendment and supplementation of Appendix A - Scope of services and Service fees, the Parties shall continue to comply with this Contract.

- iii. Trường hợp việc thay đổi Phạm vi dịch vụ này không dẫn tới thay đổi tiến độ và/hoặc phí dịch vụ thìxem xét đồng ý sự thay đổi đó và Các Bên lập một *Phụ lục sửa đổi, bổ sung Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ* để thực hiện.

In the event that this scope of service change does not cause a change in progress and/or service fee,shall consider agreeing to such a change and the Parties shall make a revised, supplemented Appendix of Appendix A - Scope of service and Service fee to implement.

- 1.7. Trên nguyên tắc thiện chí và để đảm bảo sự ổn định trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Khách Hàng có 02 (hai) lần được đề nghị thay đổi Phạm vi dịch vụ;

On the principle of goodwill and to ensure the stability during the implementation of the Contract, Customer can request to change the Service Scope maximum of 02 (two) times;

- 1.8. Phụ phí. Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu thời gian chờ Khách Hàng xem xét, duyệt, cung cấp thông tin, phản hồi kéo dài từ ngày thứ 03 (ba) trở đi mà không có lý do chính đáng đượcxem xét thì Khách hàng đồng ý trả chomột khoản tiền là/ngày chờ. Trường hợp Khách Hàng yêu cầusửa đổi Phụ lục B – Bản Thiết Kế từ lần thứ 03 trở đi thì mỗi lần sửa đổi này, Khách hàng sẽ trả thêm chomột khoản tiền là 2% Giá Trị Hợp đồng.

Surcharge. In the course of performing the service, if the wait time for Customer to review, approve, provide information and feedback extends from the third day (three) onwards without good reason considered by, Customer agrees to payan amount of VND day. In the event Customer requeststo amend Appendix B - Design from the 3rd time onwards, Customer will payan additional amount of 2% of the Contract Value for each time of amendment.

2. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN / PAYMENT TERMS

- 2.1. Thanh toán được thực hiện thành 03 Đợt, cụ thể như sau:

Payment shall be made into 03 Installments as following detail:

- i. **Đợt 1:** Khách Hàng thanh toán cho% tổng giá trị Hợp đồng như quy định tại Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này và trước ngàythực hiện nghĩa vụ tại Hợp đồng này.

Installment 1: Customer pay% of the total Contract value as regulated in Appendix A - Scope of service and Service fee within 03 (three) days from the Contract signing date and before the date thatimplement obligations in this Contract.

- ii. **Đợt 2:** Khách Hàng thanh toán cho% tổng giá trị Hợp đồng như quy định tại Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ trong thời hạn 03 (ba) ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày Các Bên lập và ký kết Phụ lục B - Bản Thiết Kế.

Installment 2: Customer pays% of the total Contract value as regulated in Appendix A - Scope of service and Service fee within 03 (three) days from the following day of the Parties' Appendix B - Design preparation and signing date.

- iii. **Đợt 3:** Khách Hàng thanh toán cho giá trị còn lại của tổng giá trị Hợp đồng và các chi phí phát sinh thêm (chi phí này đã được Các Bên xác nhận trước đó) trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày kế tiếp ngày xảy ra một trong các sự kiện sau: (a) Các Bên ký kết Phụ lục C - Biên Bản nghiệm thu và bàn giao hoặc (b) Xảy ra sự kiện được quy định tại Khoản ii.3 Điều 3.6 Hợp đồng này.

Installment 3: Customer paysthe remaining value of the total Contract value and additional costs (such costs was previously confirmed by the Parties) within 03 (three) days from the following day of the date occurs one of the following events: (a) The Parties sign Appendix C - Approval and handover minutes or (b) An occurrence of an event regulated in Clause ii.3 Article 3.6 of this Contract.

- 2.2.sẽ xuất hóa đơn Giá trị gia tăng cho Khách Hàng trong vòng 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận được khoản thanh toán của Khách Hàng.

.....shall issue Value-added Tax invoice for Customer within 03 (three) day after the date of receiving Customer payment.

- 2.3. Khách Hàng thanh toán chobằng hình thức chuyển khoản theo thông tin nêu ở phần đầu của Hợp đồng này.

Customer paysby bank transfer pursuant to the information stated at the beginning of the Contract.

- 2.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng

Payment currency: Vietnam Dong

3. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG / CONTRACT IMPLEMENTATION PROGRESS

- 3.1. Thời hạn để thực hiện Hợp đồng là ____ (bằng chữ _____) ngày. Bắt đầu từ ngàynhận được khoản thanh toán Đợt 1 từ Khách Hàng.

The Contract implementation term is _____ (in words: _____) days. Starting from the datereceives the Installment 1 payment from Customer.

- 3.2. Thời hạn thực hiện Dịch vụ củatại Điều 3.1 ở trên sẽ tính theo thời gianlàm việc thực tế, nghĩa là không bao gồm thời giankhông thể thực hiện Dịch vụ do chờ thông tin/phản hồi/thanh toán/xét duyệt từ Khách Hàng.sẽ được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với Khách Hàng/Bất kỳ Bên thứ ba nào khác do sự chậm trễ của Khách Hàng trong việc cung cấp thông tin/phản hồi/thanh toán/xét duyệt.

Theservice implementation term in Article 3.1 above shall be calculated onactual work time which does not include the timecannot perform the Service because of waiting on information/feedback/payment/approval from Customer.shall be exempt from any liability for Customer/Any Other Third Party due to Customer's delay in information/feedback/payment/approval provision.

- 3.3. Khách hàng tiến hành cung cấp các thông tin, tài liệu, các ý tưởng, sáng kiến, mô tả Sản phẩm mong muốn và gửi đếntheo nội dung và thời hạn đượcyêu cầu;

Customer provides information, documents, ideas, innovations, descriptions of Expected Product and sends them toaccording to the content and duration required by

- 3.4.tiến hành thiết kế và gửi đến Khách Hàng. Và,

.....conducts design and sends it to Customer. And,

- i. Ngay sau khi nhận được Bản thiết kế, Khách Hàng vàsẽ tiến hành xem xét bản thiết kế và điều chỉnh thống nhất. Khách hàng có tối đa 02 (hai) lần được điều chỉnh Bản thiết kế, mỗi lần xem xét, điều chỉnh Bản thiết kế thực hiện trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày Khách Hàng nhận được Bản thiết kế;

Immediately after receiving the Design, Customer andshall consider the Design and agree on the adjustment. Customer can request to adjust the Design maximum of 02 (two) times, each of the consideration and adjustment of the Design shall be implemented within 05 (five) days from the date Customer receives the Design;

- ii. Sau khi có Bản thiết kế hoàn chỉnh, đại diện hợp pháp của hai Bên sẽ ký kết Phụ lục B – Bản thiết kế, đây được xem là “Sản phẩm mong muốn” của Khách Hàng và theo đó,sẽ thực hiện các công việc dựa trên Phụ lục này.

After having a completed design, the legal representatives of the two Parties shall sign Appendix B – Design considered the "Expected Product" of the Customer and accordingly,shall implement works base on this Appendix.

- 3.5.tiến hành các công việc cần thiết để có được Sản phẩm như Phụ lục B của Hợp đồng;

.....implements the necessary work to complete the Product as described in Appendix B of the Contract;

- 3.6. Các Bên thống nhất bàn giao và nghiệm thu Dịch vụ theo trình tự như sau:

The Parties agree to hand over and approve the Service in the following schedule:

- i. Bàn giao Sản phẩm:bàn giao cho Khách Hàng Sản phẩm Dịch vụ theo quy định sau: ngôn ngữ website, quyền quản trị, và các thông tin chi tiết khác theo yêu cầu của Khách Hàng dựa trên những nội dung công việc đã đề cập tại Phụ A và các Phụ lục khác trong Hợp đồng. Các Bên tiến hành ký kết **Mục I – Bàn Giao Sản Phẩm trong Phụ lục C – Biên bản nghiệm thu và bàn giao**

Handover of Product:hands over the Service Product to the Customer in compliance with the following terms: website language, administrative rights and other detail information as required by the Customer based on the work contents mentioned in

Appendix A and Contract Appendices. The Parties shall sign Section 1 – Handover of Product in Appendix C – Handover and Approval Minutes.

ii. Vận hành thử và nghiệm thu công việc / Test run and acceptance of work:

ii.1. Khihoàn tất Dịch vụ,sẽ thông báo để Khách Hàng tiến hành vận hành thử để nghiệm thu công việc.hướng dẫn trực tiếp Khách Hàng cách thức quản lý, sử dụng và vận thành thử sản phẩm nghiệm thu.

In the eventcompletes the Service,shall inform Customer to test run for work approval.directly guide Customer the Approval Product's management, use and test operation method.

ii.2. Thời gian vận hành thử để nghiệm thu sản phẩm là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Khách Hàng nhận bàn giao.

The test run time for product approval is 03 (three) working days from the date the Customer took over.

ii.3. Trường hợp, quá thời hạn xác nhận và/hoặc Khách Hàng đã tổ chức đưa vào sử dụng dưới sự chứng kiến của Nhân viênvà/hoặc hành động khác minh thị thể hiện Khách Hàng đã sử dụng Sản phẩm thì Khách Hàng được coi là đã xác nhận nghiệm thu công việc và do đó, công việc củatheo Hợp đồng coi như hoàn tất.

In case the test run term is expired and/or Customer has put it into use Product in the witness ofStaff and/or other act show that the Customer used Product, Customer is deemed to have confirmed the acceptance of the work and therefore, the work ofunder the Contract is considered complete.

ii.4. Trong thời gian vận hành thử, Khách Hàng phải thông báo chocác sai sót, lỗi cần khắc phục (Sau đây gọi tắt là “Sự cố”) bằng văn bản,sẽ theo đó sẽ kiểm tra và khắc phục. Trong trường hợp, hết thời hạn vận hành thử vàkhông nhận bất kỳ thông tin nào từ Khách Hàng thì xem như công việc đã được Khách Hàng xem xét, nghiệm thu hoàn thành.

In the test run period, the Customer is required to notifyof any errors (hereinafter referred to as “incident”) in writing,shall check and recovery. In case after finishing the test run period,does not receive any information from the Customer, it shall be considered that the work has been reviewed and accepted by Customer.

ii.5. Trường hợp nghiệm thu hoàn thành,tiến hành hướng dẫn, chuyển giao toàn bộ quyền quản trị, vận hành thực tế công việc cho Khách Hàng. Đại diện hợp pháp của Các Bên sẽ ký **Mục II – Nghiệm thu Sản Phẩm trong Phụ lục C – Biên bản nghiệm thu và bàn giao**

In case of completion of acceptance,shall guide and transfer all actual management and operation rights to Customer. The legal representative of the Parties shall sign Section II – Product Approval in Appendix C – Hand over and Approval Minutes.

- iii. Giải quyết trường hợp sau khi Các Bên nhận bàn giao và tiến hành vận hành thử nghiệm, trường hợp có Sự cố và Khách Hàng có yêu cầu phát triển thêm trong thời điểm này, Các Bên xử lý như sau:

Resolving the case after the Hand over and test run, in case of Incident and Customer has requirement of further development at this time, the Parties shall handle as follows:

- iii.1. Trường hợp yêu cầu phát triển thêm của Khách Hàng không thuộc phạm vi có Sự cố xảy ra theo đánh giá củathìcó quyền xem xét đồng ý hoặc từ chối. Trường hợp đồng ý, giải quyết theo quy định tại khoản iii.3 Điều 3.6 dưới đây;

In case Customer's further development requirement is not covered by Incident scope according toassessment,may consider accepting or refusing. The settling shall be in compliance with the provisions of Clause iii.3, Article 3.6 below in case of acceptance;

- iii.2. Trường hợp yêu cầu phát triển thêm của Khách Hàng thuộc phạm vi có Sự cố xảy ra theo đánh giá củathìsẽ đồng ý để điều chỉnh và thực hiện theo thứ tự các hành động (a), (c), (b) theo quy định tại khoản iii.3 Điều 3.6 dưới đây;

In the event the Client's further development requirement is within the Incident scope according to theassessment,shall agree to adjust and follow the order of actions (a), (c), (b) in compliance with clause iii.3 Article 3.6 below;

- iii.3. Trường hợpđồng ý thì các hành động sau đây sẽ xảy ra: (a)sẽ khắc phục Sự cố và sau đó Các Bên sẽ (b) ký kết Phụ lục C – Biên bản nghiệm thu và bàn giao (c) ký thêm Phụ lục để ghi nhận sự phát triển thêm này, nội dung phụ lục tương tự Phụ lục A. Khi này,sẽ thực hiện tiếp các công việc tại phụ lục được ký thêm này theo nội dung công việc, phí dịch vụ, tiến độ và nghiệm thu bàn giao được đã được Các Bên thảo thuận trong Phụ lục.

In the eventagrees, the following actions shall occur: (a)will overcome the Incident and then the Parties will (b) sign Appendix C - Approval and handover minutes (c) sign the Appendix to acknowledge this additional development, the annex content is similar to Appendix A. In this situation,will continue to carry out the work regulated in this additional appendix according to the work contents, service fee, schedule and approval and handover as agreed by the Parties in the Appendix.

- iii.4. Ngoài các trường hợp quy định nêu trên, việc yêu cầu phát triển thêm Sản phẩm sẽ thuộc toàn quyền xem xét và quyết định của

Other than the circumstances set forth above, the request for further development of the Product is at the sole discretion of

3.7. Bảo hành (Nếu có) /Guarantee (if any)

- i.bảo hành Sản phẩm nêu tại Hợp đồng này trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể ngày kế tiếp ngày Các Bên ký Phụ lục C – Biên bản nghiệm thu và bàn giao hoặc ngày xảy ra sự kiện được quy định tại Khoản ii.3 Điều 3.6 Hợp đồng này với các nội dung bảo hành như sau:

.....warranties Product regulated in this Contract within 90 (ninety) days after the following date of the Appendix C – Hand over and approval Minutes signing date or the date the event regulated in Clause ii.3 Article 3.6 of this Contract occurs, with the following guarantee terms:

- i.1. Các lỗi về code, hệ thống, chức năng và bug phát sinh đối với những phần việc được quy định trong Hợp đồng này dotạo ra trong quá trình xây dựng và hoàn thiện website trong Hợp đồng này.

Errors in code, system, function and bug arising from the work regulated in this Contract made byin the process of building and completing the website in this Contract.

- i.2. Các vấn đề liên quan đến thiết kế đã được thống nhất giữa các bên trước khi tiến hành code trang web.

Design-related issues agreed between the parties before coding the website

- i.3. Các vấn đề liên quan đến host và domain trong trường hợp sử dụng host và domain docung cấp.

Host-related and domain-related issues when using host and domain provided by

- i.4. Các vấn đề khác theo chính sách bảo hành củacông bố.

Other issues in compliance with the guarantee policy published by

ii. Phương thức bảo hành / Warranty method:

- ii.1. Khi nhận được thông báo đề nghị bảo hành từ Khách Hàng,có nghĩa vụ phản hồi, kiểm tra sai sót trong thời hạn không quá giờ.tiến hành sửa chữa, khắc phục các sai sót trong thời hạn tối đa giờ kể từ thời điểmphản hồi với các lỗi không phức tạp. Trường hợp việc khắc phục phức tạp không thể hoàn thành trong thời hạn nêu trên,phải có văn bản thông báo gia hạn thời gian bảo hành Sản phẩm cho Khách Hàng.

When receiving the notice of warranty request from Customer,is obliged to respond and check error within hours.repairs and corrects errors within maximum term of hours from the timeresponds for uncomplicated error. In case the remedy is complicated that cannot be completed within the above time limit,is required to provide a written notice of extension of the Product warranty period to Customer.

- ii.2. Trong trường hợp sau 02 (hai) lần sửa chữa mà Sản phẩm vẫn còn tình trạng hư hỏng tại phần được sửa chữa, Khách Hàng có quyền yêu cầuthay thế phần được sửa chữa đó.

In case after two (02) times of repair the Product is still disrepair in part repaired, the Customer may requestto replace the said repaired part.

ii.3.được miễn nghĩa vụ bảo hành nếu các sai sót được xác định do lỗi Khách Hàng (bao gồm những người quản lý, nhân viên, người làm công của Khách Hàng) đã tự mình can thiệp hoặc để cho Bên thứ ba khác can thiệp vào mã nguồn làm thay đổi cấu trúc mã nguồn trước đó. Trường hợp này,sẽ đề xuất một gói dịch vụ phù hợp để Khách Hàng lựa chọn và sử dụng nếu có nhu cầu.

.....is exempt from warranty obligations for error determined caused by the Customer's own intervention (Customer includes manager, staff, worker of Customer) or letting other third parties interfere with the source code altering the previous source code structure. In this case,shall propose a suitable service for Customers to choose and use.

ii.4. Trong mọi trường hợp, trách nhiệm bảo hành củasẽ được đảm bảo không vượt giá trị gói Sản phẩm mà Khách Hàng sử dụng.

In all case,warranty responsibility shall be guaranteed not to exceed the value of the Product package the Customer uses.

4. GIẤY PHÉP VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

LICENSE AND INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

4.1.cam kết tất cả Sản phẩm, tài liệu do mình thực hiện cũng như việc sử dụng bản quyền chương trình phần mềm, phần cứng trong quá trình thực hiện công việc củalà không xâm phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba nào khác.có trách nhiệm về việc có được giấy phép sử dụng bản quyền của các chương trình phần mềm và phần cứng được sử dụng trong quá trình thực hiện công việc của

.....commits all Products, documentshave performed as well as the use of copyright of software programs, hardware in the process of implementing ofwork is not infringe any intellectual property rights of any other third party.is responsible for obtaining a license to use the copyright of software and hardware programs used in the process of implementingwork.

4.2. Trong và sau thời hạn Hợp đồng này,miễn trừ cho Khách Hàng cũng như mọi nhân viên, quản lý, đối tác của Khách Hàng trước bất kỳ cáo buộc, khiếu nại nào liên quan đến bản quyền (các) Sản phẩm màthực hiện.chịu trách nhiệm, đối chất giải thích (nếu có) và giải quyết tất cả khiếu nại/tranh chấp/yêu cầu bồi thường từ Bên thứ ba liên quan đến bản quyền của Sản phẩm.

During and after the term of this Contract,shall exempt for Customer as well as any employee, manager, partner of Customer from any claim relating to copyright of Product(s) made by shall take responsibility, interrogate, explain (if any) and resolve all claims/disputes/request for compensation from the Third Party relating to the copyright of the Product.

4.3. Trong và sau thời hạn Hợp đồng này, Khách Hàng miễn trừ chocũng như mọi nhân viên, quản lý, đối tác củatrước bất kỳ cáo buộc, khiếu nại nào liên quan đến việc sử

dụng Sản phẩm.sẽ không chịu trách nhiệm khi website bị tin tặc tấn công, lấy mất dữ liệu hoặc các sự cố khác phát sinh sau thời điểm bàn giao Sản phẩm mà không phải do lỗi của Khách Hàng chịu trách nhiệm, đổi chất giải thích (nếu có) và giải quyết tất cả khiếu nại/tranh chấp/yêu cầu bồi thường từ Bên thứ ba liên quan đến việc sử dụng Sản phẩm.

During and after the term of this Contract, Customer shall exempt for Customer as well as any employee, manager, partner offrom any claim relating to the use of Product.shall not take responsibility for the website being attacked and taken data by hackers or other incidents arising after the time of Product handover without the fault of Customer shall take responsibility, interrogate, explain (if any) and resolve all claims/disputes/request for compensation from the Third Party relating to the use of the Product.

- 4.4. Không phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện Sản phẩm,sẽ chuyển quyền quyền sở hữu (các) Sản phẩm màđang thực hiện cho Khách Hàng tương ứng với mức độ hoàn thiện (các) Sản phẩm theo quy định Hợp đồng này.sẽ giữ quyền sở hữu và bảo lưu quyền thu hồi đối với (các) Sản phẩm đã bàn giao cho tới khinhận được đầy đủ Giá trị Hợp đồng tại Điều 2 của Hợp đồng và Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ và các khoản tiền khác mà Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán chotheo Hợp đồng này.

Regardless of the degree of Product completion,shall transfer the right of use of Product(s) thatis implementing for Customer corresponding to the degree of completion of Product(s) in compliance with this Contract.shall retain ownership right of the Product(s) untilfully receives the Contract Value in Article 2 of the Contract and Appendix A – Scope of Service and Service Fee and other amounts Customer is obliged to pay topursuant to this Contract.

- 4.5. Sau khi đượcbàn giao quyền sở hữu (các) Sản phẩm, Khách Hàng có quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật đối với (các) Sản phẩm.

After receiving the ownership right of Product(s) from, Customer has the intellectual property rights in compliance with the law for the Product(s).

5. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES

5.1. Quyền lợi và trách nhiệm của Khách Hàng / Rights and obligations of Customer

- i. Có quyền sở hữu Sản phẩm theo các quy định tại Hợp đồng này;

Has the ownership right of Products in compliance with the provisions of this Contract;

- ii. Được quyền yêu cầucung cấp dịch vụ theo đúng chất lượng, số lượng, thời hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

Be entitled to requestto provide services in compliance with the quality, quantity and term as agreed in the Contract;

- iii. Cung cấp kịp thời các thông tin, tài liệu, phương tiện cần thiết theo đúng nội dung và thời hạn màyêu cầu để việc cung ứng Dịch vụ củađược thực hiện nhanh chóng mà không bị trì hoãn hay gián đoạn;

Timely provide necessary information, documents and facilities in compliance with the content and term required byfor theServices provision implemented quickly without delay or interruption;

- iv. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng;

Pay in full and on time in compliance with the regulation in Article 2 of the Contract;

- v. Tiến hành duyệt Bản thiết kế, ký kết Phụ lục B, Phụ lục C và các văn bản cần thiết khác theo đúng quy định tại Hợp đồng này;

Approve the Design, sign Appendix B, Appendix C and other necessary documents in compliance with the provisions of this Contract;

- vi. Trường hợpphải phối hợp với bên khác để hoàn thành việc thiết kế Website cho Khách Hàng, Khách Hàng có trách nhiệm điều phối hoạt động của các bên để không gây cản trở đến công việc của bất kỳ bên nào;

In caseis required to coordinate with other parties to complete the Website design for Customer, Customer is responsible for coordinating activities of the parties for not interfering with the work of any party;

- vii. Đảm bảo các thông tin mà Khách Hàng cung cấp cholà đầy đủ và chính xác;

Ensure that the information Customer provides foris complete and accurate;

- viii. Trường hợp thông tin, tài liệu cần hiển thị lên Sản phẩm mànhận được từ Khách Hàng có sử dụng ngôn ngữ khác ngôn ngữ tiếng Việt thìsẽ đưa thông tin này lên Sản phẩm với Ngôn ngữ đó. Trường hợp Khách Hàng yêu cầu hiển thị bằng ngôn ngữ tiếng Việt, Khách Hàng có trách nhiệm cung cấp bản dịch thuật đểsử dụng.

In case the information and documents thatreceives from Customers is in languages other than Vietnamese,shall put this information on Products with such Language. In case Customer request to display the information in Vietnamese language, Customer is responsible for providing translation for use of

- ix. Chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.

Terminate the Contract in compliance with Article 6 of this Contract.

- x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và pháp luật.

Other rights and obligations pursuant to the Contract, Appendix of Contract and law.

5.2. Quyền và trách nhiệm của/rights and obligations

- i. Theo đánh giá của mình,có quyền từ chối thêm chức năng, thêm thiết kế, sửa đổi website, hay bất cứ yêu cầu gì khác nếu yêu cầu của Khách Hàng nằm ngoài phạm vi công việc quy định trong Phụ lục A – Phạm vi dịch vụ và Phí dịch vụ Hợp đồng hoặc không

phù hợp với các thỏa thuận, thiết kế trước (Phụ lục B – Bản thiết kế) đó mà Các Bên đã thống nhất;

Base on its decision,has the right to refuse to supplement functions/design, modify the website or any other requirements if Customer's request is out of the scope of work regulated in Appendix A – Scope of Service and Service fee of the Contract or not suitable with previous agreements and designs (Appendix B – Design) agreed by the Parties;

- ii. Yêu cầu Khách Hàng cung cấp thông tin/tài liệu/phương tiện/xét duyệt/thanh toán để thực hiện Dịch vụ;

Request Customer to provide information/document/tool/approval/payment to perform the Service;

- iii. Được nhận đầy đủ và đúng thời hạn khoản thanh toán theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng;
Receive payment in full and on time in compliance with the regulation in Article 2 of the Contract

- iv. Được thay đổi điều kiện Dịch vụ vì lợi ích của Khách Hàng mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của Khách Hàng, nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho Khách Hàng, nhưng phải thông báo ngay cho Khách Hàng;

Change the conditions of Service for Customer's benefit without necessarily waiting for Customer's opinion in the event the waiting on opinion shall cause damage to the Customer, but must notify Customer immediately;

- v.thực hiện Dịch vụ theo các quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật có liên quan để đạt được kết quả của Dịch vụ là Sản phẩm theo mong muốn của Khách hàng;

.....implements the Service in compliance with the provisions of this Contract and the relevant laws for obtaining the Service result is the Product as the Customer's expectation;

- vi. Thông báo cho Khách Hàng tiến độ thực hiện Hợp đồng và kịp thời thông báo cho Khách Hàng để bàn bạc, giải quyết khi có vấn đề phát sinh;

Notify Customer of the Contract's implementation progress and promptly notify the Customer to discuss and resolve in the event problem arises;

- vii. Chuyển giao đầy đủ tài liệu, hồ sơ và hướng dẫn đầy đủ cách thức vận hành Sản phẩm bàn giao.chỉ hỗ trợ Khách Hàng đưa Sản phẩm vào hoạt động chính thức nếu host của Khách Hàng có cấu hình tương tự host củavà được cấp quyền trực tiếp thiết lập cài đặt website trên host của Khách Hàng;

Handover whole of document, dossier and completely guide manual operation of handover Product.only supports Customers to put the Product into official operation if the Customer's host has the similar configurations' and is granted the right to directly set up the website installation on the Customer's host;

- viii. Ghi nhận và chỉnh sửa các sai sót theo yêu cầu Khách Hàng trong thời gian vận hành thử để Các Bên thuận lợi nghiệm thu sản phẩm;

Record and correct errors base on Customer's requirements during the test run period for the Product to be easily accepted by the Parties;

- ix. Trường hợp nếu sử dụng host của Khách Hàng,không chịu trách nhiệm nếu website chạy chậm hoặc bị tràn băng thông vì host của Khách Hàng không đáp ứng yêu cầu băng thông;

In the event of use the Customer's host,is not responsible for the slow loading or bandwidth overflow of the website because the Client's host does not meet the bandwidth requirements;

- x. Nhanh chóng giải quyết các khiếu nại của Khách Hàng về chất lượng Dịch vụ trong phạm vi trách nhiệm của;

Quickly resolve Customer's complaints about Service quality within the responsibility limitation of;

- xi. Chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này;

Terminate the Contract in compliance with Article 6 of this Contract.

- xii. Được quyền sử dụng Sản phẩm cho mục đích showcase;

Has the right to use Product for showcase purpose;

- xiii. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và pháp luật.

Other rights and obligations pursuant to the Contract, Appendix of Contract and law.

6. CHẤM DỨT VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG / TERMINATION OF CONTRACT AND PENALTY FOR CONTRACT VIOLATION

6.1. Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

The contract terminates in the following cases:

- i. Khi Dịch vụ được hoàn thành theo các điều kiện tại Hợp đồng này;

In the event the Service is completed pursuant to the terms of this Contract;

- ii. Chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên;

Terminated under written agreement of the Parties;

- iii. Một Bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

A Party unilaterally stop the performance of the Contract in compliance with one of the following cases:

- iii.1. Việc thực hiện Hợp đồng không còn có lợi hoặc vì lý do khác không thuộc các lý do được quy định tại iii.2. thì Bên đơn phương (a) thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất 07 (bảy) ngày và (b) thanh toán giá trị công

việc tương ứng mà Bên kia đã thực hiện hoặc hoàn trả số tiền mà Bên kia đã thanh toán và (c) chịu phạt và bồi thường thiệt hại theo Điều 7 Hợp đồng này;

The performance of the Contract is no longer beneficial or for other reasons other than those specified in iii.2, the unilateral Party (a) notifies in writing to the other Party prior to the proposed termination date at least 07 (seven) days and (b) pays the value corresponding to work the other Party has implemented or refunds money paid by the other Party and (c) subject to penalties and compensation under Article 7 of this Contract;

iii.2. Một Bên vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng mà không khắc phục trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì Bên đơn phương (a) thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất 03 (ba) ngày và (b) có quyền yêu cầu phạt và bồi thường thiệt hại theo Điều 7 Hợp đồng này. Trừ trường hợp quy định tại Điều 2.5 Hợp đồng.

A Party breaches its obligations without remedying within 05 (five) days from the date of receipt of the request, the unilateral Party (a) notifies in writing to the other Party prior to the proposed termination date at least 03 (three) days and (b) has the right to request penalties and compensation in compliance with Article 7 of this Contract. Except for cases regulated in Article 2.5 of the Contract.

iv. Một Bên bị thu hồi giấy phép hoạt động/bị phá sản/vỡ nợ và/hoặc rơi vào sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Hợp đồng này.

A Party is revoked a license to operate/bankruptcy/insolvency and/or subject to the force majeure event as regulated in this Contract.

6.2. Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại điểm i, điểm ii và điểm iv Điều 6.1 trên đây, trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng, Các Bên sẽ cùng nhau quyết toán và thanh lý Hợp đồng.

In the event that the Contract terminates according to point i, point ii and point iv of Article 6.1 above, within 03 (three) days from the date of the Contract termination, the Parties shall jointly finalize and liquidate the Contract.

6.3. Trường hợp Hợp đồng chấm dứt theo điểm iii Điều 6.1 Hợp đồng này, Hợp đồng chấm dứt kể từ thời điểm bên kia nhận được thông báo chấm dứt. Các Bên không phải thực hiện nghĩa vụ, trừ các nghĩa vụ được quy định tương ứng tại điểm iii.1 và iii.2 Điều 6.1 Hợp đồng. Bên vi phạm hoàn thành các nghĩa vụ này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên bị vi phạm.

In the event the Contract is terminated pursuant to point iii of Article 6.1 of this Contract, the Contract shall be terminated as soon as the other party receives the termination notice. The Parties are not obliged to perform obligations, except for the obligations specified in point iii.1 and point iii.2 of Article 6.1 of the Contract. The violating party shall complete such obligations within 10 (ten) days from the date of receipt of the violated Party's request.

- 6.4. Mọi trường hợp chấm dứt Hợp đồng mà không đúng với quy định tại Hợp đồng này được coi là vi phạm Hợp đồng và phải gánh chịu hậu quả được quy định tại Điều 7 Hợp đồng.

Any Contract termination which is not in compliance with the provisions of this Contract shall be considered a breach of the Contract and be suffered the consequences regulated in Article 7 of the Contract.

7. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI PENALTY FOR VIOLATION AND COMPENSATION

- 7.1. Khi một Bên không thể khắc phục các vi phạm của mình trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm của Bên kia thì Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Bên vi phạm trả một khoản tiền phạt cho sự vi phạm này. Tuy nhiên, tổng mức phạt không được vượt quá 8%/1 lần vi phạm.

In the event a Party is not able to remedy its violations within 05 (five) working days from the date of receipt of the other Party's notice of violation, the violated Party is entitled to request the violating Party to pay a penalty for this violation. However, the total penalty must not exceed 8%/1 times of violation.

- 7.2. Trường hợp hành vi vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng mà gây ra thiệt hại thì Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế gây ra trên cơ sở:

In the event the breach of Contract obligations causes damage, the violated party is entitled to request the violating party to pay compensation for actual damage on the basis of:

- i. Thiệt hại gây ra là thiệt hại tồn tại trên thực tế, bao gồm cả lợi ích có thể có nếu không có hành vi vi phạm;

Damage caused is damage exists in fact, including possible benefits without violation;

- ii. Các thiệt hại này phải rõ ràng và có cơ sở tính toán;

The loss must be clear and computational;

- iii. Phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra;

There must be a cause-and-effect relationship between violation and actual damage occurs;

- iv. Hành vi vi phạm phải là hành vi vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng.

Violation must be a breach of Contract obligations.

- v. Trường hợp không hoặc khó xác định được thiệt hại thực tế phát sinh thì mức bồi thường tối đa mà Bên vi phạm phải bồi thường cho Bên bị vi phạm không vượt quá 100% giá trị Hợp đồng.

In case of failure or difficulty in determining actual damage, the maximum level of compensation the violating party shall compensate for the violated party must not exceed 100% of the contract value.

- 7.3. Trừ trường hợp có sự quy định khác đi trong Hợp đồng này, việc thực hiện trách nhiệm phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được thực hiện trên nguyên tắc toàn bộ, nhanh chóng và kịp thời trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên bị vi phạm.

Except otherwise regulated in this Contract, the implementation of the responsibility to pay violation penalty and compensate shall be implemented on the principle of full, prompt and timely within 10 (ten) days from date of receipt of the request of the violated Party.

- 7.4. Trường hợp Khách Hàng chậm thanh toán,có quyền (a) áp dụng mức lãi chậm thanh toán là 0.05%/ngày tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán và (b) kéo dài thời hạn thực hiện Dịch vụ tương ứng với thời gian Khách Hàng chậm thanh toán. Nếu Khách Hàng chậm thanh toán quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán,có thể tùy vào quyết định của mình tạm ngừng thực hiện Hợp đồng và/hoặc Đình chỉ thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi thông báo cho Khách Hàng trước 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến chấm dứt mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào với Khách Hàng hoặc Bên thứ ba khác có thể bị ảnh hưởng bởi quyết định trên của Theo đó, Khách Hàng phải thanh toán chotồn bộ các chi phí tương ứng với công việc màđã thực hiện, các khoản lãi chậm trả (nếu có) và bồi thường thiệt hại cho(nếu có).

In the event Customer fail to make the payment on time,has the right to a) apply the late payment interest of 0.05%/day corresponding to the time and amount of late payment and b) extend the Service implementing duration corresponding to the Customer's late payment time. In the event Customer is late in payment for more than 20 (twenty) days from the payment due date,may based solely on its decision suspend and/or stop the Contract implementation by sending notice to Customer prior 03 (three) working days from the expectation termination date without taking any obligation to Customer or other Third Party may be affected by said decision of Accordingly, Customer is required to payall expenses corresponding to the work performed by, late payment interest amount (if any) and compensation for(if any).

8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP / DISPUTE RESOLUTION

- 8.1. Giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, đàm phán

Dispute resolution through negotiation, settlement

- i. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới Hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các Bên trên tinh thần thiện chí. Trong trường hợp Các Bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận giữa Các Bên, thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo Khoản 8.2 dưới đây;

Any dispute arising from or in connection with this Contract shall first be resolved through negotiation between the Parties in good faith. In the event that the Parties cannot resolve the dispute through negotiation within thirty (30) days from the date the dispute arises, or

another term as agreed by the Parties, the dispute shall be resolved in compliance with Clause 8.2 below;

- ii. Trong thời gian chờ giải quyết tranh chấp, Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các công việc theo nội dung điều khoản của Hợp đồng. Trừ trường hợp việc tiếp tục thực hiện công việc đó tạo ra sự bất lợi cho Bên thực hiện hoặc làm gia tăng lợi ích cho Bên yêu cầu thực hiện tiếp.

During the time of pending dispute resolution, the Parties shall continue to implement and complete the work pursuant to the terms of the Contract. The only exception would be when continue to perform the work creates disadvantages for the Party implement or increase benefits for the Party require continuing the work performance.

8.2. Giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án

Dispute resolution through Court

- i. Trong trường hợp tranh chấp không thể giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải như quy định tại Khoản 8.1 nêu trên, các tranh chấp này sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi cư trú hoặc đặt trụ sở chính của Nguyên đơn.

In case the dispute cannot be resolved through negotiation and mediation as provided in Clause 8.1 above, these disputes will be resolved at the court of residence or headquarter of Plaintiff.

- ii. Bên thua kiện sẽ chi trả toàn bộ chi phí cho Bên thắng kiện (bao gồm chi phí khởi kiện, thuê luật sư, cố vấn);

The losing party shall pay all of expenses to the winner (including the costs of suing, lawyers and advisers hiring)

- iii. Hợp đồng bị vô hiệu không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Invalid of the Contract shall not affect the validity of the dispute settlement provisions.

9. THÔNG BÁO / NOTIFICATION

- 9.1. Mọi thông báo từ một bên gửi cho bên còn lại phải được gửi đến các địa chỉ tại phần đầu Hợp đồng trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác. Mọi sửa đổi trong các địa chỉ trên sẽ có hiệu lực khi Bên kia nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên sửa đổi.

Any notice from a party to the other must be sent to the addresses stated at the beginning of the Contract unless otherwise agreed by the Parties. Any amendments in the above addresses shall be effective when the other Party receives the written notice from the Modifying Party.

- 9.2. Mọi thông báo mà một Bên gửi cho Bên còn lại theo địa chỉ ghi trong Hợp đồng này được xem là Bên còn lại nhận được:

All notices that either Party sends to the other Party at the address stated in this Contract shall be deemed to be received by the other Party:

- i. Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay có ký biên nhận; hoặc
On the day of delivery in the case of delivery by hand with a receipt; or
- ii. Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm (có hồi báo);
On the second day from the date of postmarking in the case of express mail or registered mail (with confirmation).
- iii. Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi bằng fax; hoặc
On the day the sender receives a successful fax transfer notice in case of sending by fax; or
- iv. Vào ngày xác nhận đã gửi đi đối với thư điện tử (bao gồm nhưng không giới hạn email) có mục đích nhằm xác nhận và có yêu cầu phúc đáp. Sau khi gửi thư điện tử đi, người gửi có trách nhiệm liên lạc với người nhận để xác nhận đã gửi đi.
On the date of sending confirmation for electric mail (including but not limited to email) intended to confirm and request a response. After the electric mail sent, the sender is responsible for contacting the recipient to confirm the email is sent.
- v. Vào ngày đã gửi thư điện tử đi (việc gửi này ở trạng thái “Đã gửi”/”gửi đi thành công) đối với thư điện tử không nhằm mục đích của điểm iv Điều 9.2 Hợp đồng.
On the date the email sent (this sending in "Sent"/"successfully sent" status) for email not for the purpose of point iv of Article 9.2 of Contract.

10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG / GENERAL TERMS

- 10.1. Các Bên cam kết rằng Các Bên đáp ứng đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật Việt Nam để ký kết, thực hiện Hợp đồng này mà không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật hiện hành.

The Parties commit that the Parties meet all the requirements of Vietnamese law to sign and implement this Agreement without violating any regulation of current law.

- 10.2. Luật Việt Nam sẽ điều chỉnh Hợp đồng này.

Vietnamese law shall govern this Contract.

- 10.3. Hợp đồng này thể hiện toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến các vấn đề tại đây và thay thế tất cả các Hợp đồng hoặc hiểu biết trước đó, bằng văn bản hoặc bằng lời nói.

This Contract represents the entire agreement between the Parties relating issues herein and supersedes all previous written or verbal contract or understandings.

- 10.4. Mỗi và tất cả các điều khoản của Hợp đồng này sẽ ràng buộc và sẽ có hiệu lực đối với lợi ích của Các Bên và các bên kế thừa/Bên được chuyển giao (nếu có).

Each and all provision of this Agreement shall be binding upon and shall inure to the benefit of the Parties and the successor/assigns (if any).

- 10.5. Các Bên cam kết không tiết lộ các thông tin của Hợp đồng này cho Bên khác trừ khi nhận được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia hoặc việc tiết lộ là bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

The Parties commit not to disclosing the information of this Agreement to the other Party except for receiving the prior written consent of the other Party or the disclosure is mandatory upon the request of the competent Government authorities.

- 10.6. Sự kiện Bất khả kháng / Force Majeure:

- i. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Thiên tai, động đất, lũ lụt, bão, cháy nổ, hỏa hoạn và các thảm họa thiên nhiên; (ii) Chiến tranh, hành động chống phá chính quyền, khủng bố, bạo loạn, đình công, biểu tình; (iii) Các hành động, quyết định của cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam như cấm vận hay thay đổi chính sách hay rút giấy phép hoạt động.

A force majeure event is an event which occurs in an objective manner which is not able to be foreseen and is not able to be remedied by all possible necessary and admissible measures being taken. Force majeure event, includes, but not limited to: (i) Act of god, earthquakes, floods, storms, explosion and fire, fires and natural disasters; (ii) War, antigovernment activity , terrorism, riots, strikes, protests; (iii) Actions and decisions of Vietnam competent authorities such as embargo or policy changes or operating licenses withdrawal.

- ii. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm với Bên kia với điều kiện bên này đã thông báo cho Bên kia ngay từ khi biết hoặc phải biết về Sự kiện bất khả kháng.

In the event the obligor fails to comply with its obligations due to force majeure event, obligor shall not have responsibility to the other Party provided that the obligor has notified the other party from the time of knowing or should have known about the Force majeure event.

- iii. Trường hợp Sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày liên tục thì một trong Các Bên có quyền yêu cầu chấm dứt thực hiện Hợp đồng và Các Bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng.

If a Force Majeure event lasts for more than 30 (thirty) consecutive days, one of the Parties may request the Contract termination and the Parties shall liquidate the Contract.

- 10.7. Trừ khi nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia, một Bên không được phép chuyển nhượng một phần/toàn bộ Hợp đồng này cho Bên thứ ba khác.

Unless otherwise agreed in writing by the other Party, a Party may not assign a part/whole of this Contract to other Third Parties.

10.8. Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt thì các quy định liên quan đến phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp tiếp tục có hiệu lực.

In the event the Contract is terminated, the provisions relating to penalty for violation, compensation and dispute settlement shall continue in effect.

10.9. Nếu có điều khoản trong Hợp đồng bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là vô hiệu/không có giá trị pháp lý/không có hiệu lực áp dụng, các điều khoản còn lại của Hợp đồng cũng sẽ không bị ảnh hưởng về mặt hiệu lực. Các Bên sẽ thỏa thuận để sửa đổi điều khoản bị xác định là vô hiệu/không có giá trị pháp lý/không có hiệu lực áp dụng đó cho phù hợp với ý chí Các Bên và quy định pháp luật trong thời gian sớm nhất. Các Bên sẽ tiếp tục và không làm gián đoạn việc thực hiện các điều khoản, quy định khác vẫn đang có giá trị của Hợp đồng.

If any of the provisions of this Contract is determined as /null and void/unenforceable by the competent Government agency, the remaining provisions of the Contract shall not be affected its effect. The Parties shall agree to amend such terms determined to be invalid/null and void/unenforceable to conform to the Parties' will in the shortest time. The Parties shall continue and do not interrupt the implementation of the other Contract terms and provisions that are still valid.

10.10. Mọi sự thay đổi, bổ sung liên quan đến Hợp đồng này thì phải được Các Bên ký kết bằng văn bản Phụ lục. Khi Các Bên ký kết Phụ lục Hợp đồng thì nội dung của (các) Phụ lục Hợp đồng đó cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng này và theo đó, Điều 1.2 của Hợp đồng sẽ tự động được điều chỉnh để ghi nhận thêm và/hoặc xóa bỏ bộ phận cấu thành Hợp đồng.

Any change or supplement to this Contract shall be signed by the Parties in the Appendix. In the event the Parties sign an Appendix, contents of such Appendix(s) shall be valid as contents of this Contract and accordingly, Article 1.2 of this Contract shall be automatically amended to record the supplements/deletion of Contract part.

10.11. Việc từ bỏ bởi bất kỳ bên nào với bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực trừ khi được quy định rõ ràng bằng văn bản và có chữ ký của bên từ bỏ. Việc không thực hiện, hoặc trì hoãn thực hiện, bất kỳ quyền, biện pháp, quyền lực hoặc đặc quyền nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ không cấu thành hoặc được hiểu là sự từ bỏ.

Any waiver by any Party of any provision of this Contract shall not be valid unless expressly regulated in writing and signed by the waiver. The failure to implement, or delay implementation, any right, remedy, power or privilege arising from this Contract shall not constitute or be construed as a waiver.

10.12. Hợp đồng này lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

This contract is made into 02 (two) copies with the same legal validity, each Party keeps 01 (one) copy for implementation.

Để làm bằng chứng, mỗi Bên thông qua đại diện hợp pháp của mình đã đọc, hiểu đầy đủ về các nội dung trong Hợp đồng và tự nguyện ký tên dưới đây.

In the witness hereof, each Party's legal representative has read, fully understood the contents of the Contract and voluntarily sign below.

KHÁCH HÀNG / CUSTOMER

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(Sign in full name, seal (if any))

CÔNG TY

(Ký, đóng dấu)

(Sign, seal)

Chức danh/Title:

Chức danh/Title:

KHOA TIN
LAW FIRM

